



Tp. HCM, ngày 26 tháng 5 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1-CTCP

(V/v phê duyệt Quy chế Tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng Công ty Xây dựng số 1-CTCP)

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 của Quốc hội;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty Xây dựng số 1-CTCP (CC1) đã được Đại hội đồng cổ đông (ĐHDCĐ) thường niên năm 2022 thông qua;
- Căn cứ Nghị quyết ĐHDCĐ thường niên năm 2022 của CC1 số 120/NQ-ĐHDCĐTN2022 ngày 12/5/2022;
- Căn cứ quyết định số 124/QĐ-HĐQT ngày 17/5/2022 của Hội đồng quản trị CC1 về việc triển khai thực các nội dung của Nghị quyết ĐHDCĐ thường niên năm 2022 của CC1.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Phê duyệt và ban hành kèm theo Quyết định này là Quy chế Tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty Xây dựng số 1-CTCP.

Điều 2: Quy chế Tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị CC1 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 5 năm 2022 và thay thế Quy chế đã ban hành theo quyết định số 106/QĐ-HĐQT ngày 07 tháng 7 năm 2021.

Điều 3: Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc CC1 và các phòng/ban CC1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3
- Lưu P.PC, P.HC, TK.HĐQT CC1

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Huân

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 – CTCP



**QUY CHẾ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 5 năm 2022

QUY CHẾ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 – CTCP

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 128/QĐ-HĐQT ngày 26 tháng 5 năm 2022
của Hội đồng quản trị Tổng Công ty Xây dựng số 1 – CTCP)*

MỤC LỤC

CHƯƠNG I.....	3
NHỮNG NGUYÊN TẮC CHUNG.....	3
Điều 1. Những căn cứ pháp lý	3
Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.....	3
CHƯƠNG II	3
TRÁCH NHIỆM, QUYỀN HẠN VÀ NGUYÊN TẮC LÀM VIỆC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	3
Điều 3. Trách nhiệm pháp lý của Hội đồng quản trị.....	3
Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....	4
Điều 5. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch	6
Điều 6. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường.....	7
Điều 7. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị.....	8
CHƯƠNG III	8
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	8
Điều 8. Thành viên Hội đồng quản trị	8
Điều 9. Chủ tịch Hội đồng quản trị	12
Điều 10. Các ban, tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị	14
Điều 11. Cuộc họp Hội đồng quản trị	14

Luul

Điều 12. Biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị.....	16
Điều 13. Trình báo cáo hàng năm	17
Điều 14. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên của Hội đồng quản trị	17
Điều 15. Công khai các lợi ích liên quan	18
CHƯƠNG IV	19
MỐI QUAN HỆ GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỚI NGƯỜI ĐẠI DIỆN VỐN TẠI CÁC ĐƠN VỊ KINH DOANH.....	19
Điều 16. Nguyên tắc quản lý đối với các Đơn vị kinh doanh có vốn góp của CC1	19
Điều 17. Cơ chế quản lý của Hội đồng quản trị đối với các Đơn vị kinh doanh có vốn góp của CC1	20
Điều 18. Cơ chế quản lý của Hội đồng quản trị đối với các Chi nhánh, văn phòng đại diện trong và ngoài nước	20
CHƯƠNG V	21
MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	21
Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị	21
Điều 20. Mối quan hệ với Ban Tổng giám đốc.....	21
Điều 21. Mối quan hệ với Ban kiểm soát.....	21
CHƯƠNG VI.....	22
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	22
Điều 22. Hiệu lực thi hành	22
Điều 23. Bổ sung, sửa đổi	22

CHƯƠNG I

NHỮNG NGUYÊN TẮC CHUNG

Điều 1. Những căn cứ pháp lý

Quy chế về tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng Công ty Xây dựng số 1 - CTCP (CC1) được xây dựng dựa trên các căn cứ pháp lý sau đây:

1. Các quy định pháp luật hiện hành của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
2. Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty Xây dựng Số 1 - CTCP (*sau đây gọi là Điều lệ CC1*).

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo Điều lệ CC1 và các quy định khác của pháp luật có liên quan.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG II

TRÁCH NHIỆM, QUYỀN HẠN VÀ NGUYÊN TẮC LÀM VIỆC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Trách nhiệm pháp lý của Hội đồng quản trị

Trách nhiệm pháp lý của Hội đồng quản trị được quy định như sau:

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý CC1, có toàn quyền nhân danh CC1 để quyết định mọi vấn đề liên quan đến quyền, lợi ích hợp pháp và nghĩa vụ của CC1, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông quy định tại Điều lệ CC1 và theo quy định của pháp luật.
2. Căn cứ vào Luật Doanh nghiệp và Điều lệ CC1, Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc ban hành “Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị”.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ CC1 và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
 - a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và giám sát việc thực hiện kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn, kế hoạch kinh doanh của CC1. Phê duyệt điều chỉnh, thay đổi kế hoạch kinh doanh hàng năm của CC1 trên cơ sở được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền khi xét thấy sự điều chỉnh này là phù hợp với chiến lược và kế hoạch phát triển đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.
 - b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại.
 - c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác.
 - d. Quyết định giá bán cổ phần; Quyết định chào bán các loại trái phiếu trù trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền theo quy định của Luật Chứng khoán.
 - e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp.
 - f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật.
 - g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ.
 - h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% (Ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của CC1, ngoại trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp.
 - i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc và

người quản lý cấp cao quan trọng khác do Điều lệ CC1 quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở Đơn vị kinh doanh mà CC1 có phần vốn góp, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó.

- j. Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của CC1.
- k. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.
- l. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể CC1; yêu cầu phá sản CC1.
- m. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông.
- n. Quyết định cơ cấu tổ chức nội bộ, quy chế quản lý nội bộ của CC1, quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, hợp nhất, chuyển đổi loại hình, tái cơ cấu và giải thể công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của Đơn vị kinh doanh hoặc bán cổ phần, phần vốn góp của CC1 tại Đơn vị kinh doanh trong phạm vi quyền hạn của mình theo quy chế nội bộ của CC1.
- o. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế quản trị nội bộ của CC1 sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế về công bố thông tin của CC1.
- p. Quyết định phân phối lợi nhuận và trích lập, sử dụng các Quỹ (Quỹ đầu tư phát triển; Quỹ khen thưởng, phúc lợi, vv...) theo phương án được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- q. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết.
- r. Quyết định giá hoặc tổ chức định giá các tài sản góp vốn vào CC1 không phải tiền, bao gồm nhưng không giới hạn vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kinh doanh và các tài sản hợp pháp khác.

- s. Giải quyết khiếu nại của CC1 đối với những người điều hành của CC1 cũng như quyết định lựa chọn đại diện của CC1 để giải quyết các vấn đề liên quan tới thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó.
 - t. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập của CC1 phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.
 - u. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ CC1.
2. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ CC1 quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.
 3. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ CC1 gây thiệt hại cho CC1 thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho CC1; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của CC1 có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 5. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ CC1 giữa CC1 với một trong các đối tượng sau:
 - Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này.
 - Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của CC1 và những người có liên quan của họ.
 - Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Người đại diện CC1 ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ CC1 quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 6. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của CC1.
 - b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật.
 - c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan.
 - d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát.
 - e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ CC1.
2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ CC1 hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm (c) và điểm (d) khoản 1 Điều này.
3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
 - a. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp.
 - b. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông.

Handwritten signature

- c. Lập chương trình và nội dung cuộc họp.
- d. Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp.
- e. Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị.
- f. Xác định thời gian và địa điểm họp.
- g. Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
- h. Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 7. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

Để thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn quy định trong Quy chế này và Điều lệ CC1, Hội đồng quản trị hoạt động theo những nguyên tắc sau:

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể lãnh đạo thể hiện qua các nghị quyết của Hội đồng quản trị.
2. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của CC1.
3. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng Giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG III

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 8. Thành viên Hội đồng quản trị

1. Số thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Số thành viên Hội đồng quản trị là 05 (năm) thành viên. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Hội đồng quản trị của CC1 phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành.

Handwritten signature

Trong Hội đồng quản trị có tối thiểu 01 (một) thành viên Hội đồng quản trị độc lập, một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của CC1 không quá 02 (hai) nhiệm kỳ liên tục và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp.

2. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

2.1 Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ CC1, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của CC1 và của các đơn vị trong CC1.

2.2 Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ CC1 và các nghĩa vụ sau:

- a. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của CC1.
- b. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận.
- c. Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các Công ty con, Công ty liên kết và các tổ chức khác.
- d. Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa CC1, Công ty con, Công ty khác do CC1 nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa CC1 với Công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
- e. Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của CC1 theo quy định của pháp luật.

3. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp.

- b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của CC1 và không nhất thiết phải là cổ đông của CC1, trừ trường hợp Điều lệ có quy định khác.
 - c. Thành viên Hội đồng quản trị CC1 chỉ có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tối đa 05 Công ty khác.
4. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị
- 4.1 Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
- a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp.
 - b. Có đơn từ chức và được chấp thuận.
 - c. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ CC1.
- 4.2 Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
- a. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.
 - b. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ CC1.
- 4.3 Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.
- 4.4 Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau đây:
- a. Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba.
 - b. Trừ trường hợp quy định tại điểm (a) khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.
5. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

- 5.1 Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:
- a. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông.
 - b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quy định để làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.
- 5.2 Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ, Quy chế quản trị nội bộ của CCI và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.
- 5.3 Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ.
- 5.4 Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.
6. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

- 6.1 Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, CC1 phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của CC1 để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của CC1 nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:
- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh.
 - b. Trình độ chuyên môn.
 - c. Quá trình công tác.
 - d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của Công ty khác).
 - e. Lợi ích có liên quan tới CC1 và các bên có liên quan của CC1.
 - f. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ CC1.
 - g. CC1 có trách nhiệm công bố thông tin về các Công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị.
- 6.2 Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Điều 9. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng Giám đốc.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau:
 - a. Lập chương trình kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị.
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ các cuộc họp Hội đồng quản trị; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị.

- c. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
 - d. Tổ chức thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
 - e. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
 - f. Phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng quản trị và thành viên các tiểu ban tham mưu, hỗ trợ cho Hội đồng quản trị.
 - g. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp.
3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.
4. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm Thư ký Hội đồng quản trị. Thư ký Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
- a. Hỗ trợ tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp.
 - b. Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
 - c. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị của CC1.

- d. Hỗ trợ CC1 trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính.
- e. Tham dự các cuộc họp.
- f. Đảm bảo các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với luật pháp.
- g. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.
- h. Thư ký Hội đồng quản trị có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ CC1.

Điều 10. Các ban, tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị

- 1. Hội đồng quản trị có thể thành lập các ban, tiểu ban trực thuộc để giúp việc Hội đồng quản trị.
- 2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của các ban, tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ, Quy chế quản trị nội bộ của CC1.

Điều 11. Cuộc họp Hội đồng quản trị

- 1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên Hội đồng quản trị có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn 01 (một) thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 (một) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
- 2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.
- 3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau đây:
 - a. Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên Hội đồng quản trị độc lập.
 - b. Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 (năm) người quản lý cấp cao khác.

Xuân

- c. Có đề nghị của ít nhất 02 (hai) thành viên Hội đồng quản trị.
4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
 5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với CC1; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
 6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.
Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ CC1 quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại CC1.
 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát.
Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
 8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
 9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp.

- b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này.
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.
10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư thì phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 (một) giờ trước khi khai mạc cuộc họp. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.
12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 12. Biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp.
 - b. Thời gian, địa điểm họp.
 - c. Mục đích, chương trình và nội dung họp.
 - d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do.
 - e. Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp.
 - f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp.
 - g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến.

- h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng.
 - i. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.
2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm (a), (b), (c), (d), (e), (f), (g) và (h) khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.
3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.
4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của CC1.
5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Điều 13. Trình báo cáo hàng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông các báo cáo sau đây:
 - a. Báo cáo kết quả kinh doanh của CC1.
 - b. Báo cáo tài chính.
 - c. Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành CC1.
2. Báo cáo quy định tại các khoản 1 Điều này và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của CC1 chậm nhất là 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ không quy định thời hạn khác dài hơn. Cổ đông sở hữu cổ phần của CC1 liên tục ít nhất 01 (một) năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 14. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên của Hội đồng quản trị

1. CC1 có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

Handwritten signature

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của CC1 theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của CC1 và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.
6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được CC1 mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ.

Điều 15. Công khai các lợi ích liên quan

Trường hợp Điều lệ không có quy định khác chặt chẽ hơn, việc công khai lợi ích và người có liên quan của CC1 thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của CC1 phải kê khai cho CC1 về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

- a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó.
 - b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.
2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với CC1 trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
 3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của CC1 đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về CC1.

CHƯƠNG IV

MỐI QUAN HỆ GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỚI NGƯỜI ĐẠI DIỆN VỐN TẠI CÁC ĐƠN VỊ KINH DOANH

Điều 16. Nguyên tắc quản lý đối với các Đơn vị kinh doanh có vốn góp của CC1

1. Hội đồng quản trị nhân danh CC1 tham gia quản lý các Đơn vị kinh doanh có phần vốn góp của CC1 thông qua người đại diện tại các doanh nghiệp đó.
2. Hội đồng quản trị quyết định về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm người đại diện phần vốn góp của CC1 tại các doanh nghiệp có phần vốn góp của CC1.
3. Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát người đại diện trong việc thực hiện chức năng nhiệm vụ theo quy định của pháp luật, Điều lệ CC1 và Quy chế này.

4. Hội đồng quản trị thay mặt CC1 có thể giao nhiệm vụ, các chỉ tiêu kế hoạch bằng văn bản cho người đại diện phần vốn góp của CC1 tại các Đơn vị kinh doanh.
5. Hội đồng quản trị phân công các thành viên chuyên trách theo dõi hoạt động của các Đơn vị kinh doanh có vốn góp của CC1, chi nhánh, văn phòng đại diện. Việc theo dõi này phải đảm bảo nguyên tắc không can thiệp vào công tác điều hành của các cán bộ quản lý cũng như hoạt động của các bộ phận này.
6. Hàng năm, Hội đồng quản trị yêu cầu những người đại diện phần vốn góp của CC1 tại Đơn vị kinh doanh phải có báo cáo về tình hình hoạt động của người đại diện trong năm tài chính (bao gồm các báo cáo định kỳ, bất thường, đột xuất và báo cáo năm). Báo cáo phải được gửi cho Hội đồng quản trị chậm nhất là ngày 20 của tháng kế tiếp tương ứng với kỳ báo cáo.

Điều 17. Cơ chế quản lý của Hội đồng quản trị đối với các Đơn vị kinh doanh có vốn góp của CC1

Ngoài các nguyên tắc đã nêu, cơ chế quản lý của Hội đồng quản trị đối với các Đơn vị kinh doanh có vốn góp của CC1 cụ thể như sau:

1. Đối với các doanh nghiệp mà tại đó CC1 có nhiều hơn 01 (một) người đại diện phần vốn góp, CC1 cử một trong số người này làm tổ trưởng, chịu trách nhiệm chính trước CC1 về hiệu quả đầu tư vốn tại Đơn vị kinh doanh. Trường hợp những người đại diện có ý kiến khác nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ thì người được giao làm tổ trưởng có trách nhiệm báo cáo bằng văn bản về Hội đồng quản trị các ý kiến khác nhau đó để Hội đồng quản trị xem xét, giải quyết.
2. Đối với các doanh nghiệp khác có vốn góp của CC1, Hội đồng quản trị nhân danh CC1 thực hiện các quyền và nghĩa vụ của cổ đông, của thành viên, của một bên liên doanh theo Điều lệ của các doanh nghiệp đó thông qua người đại diện phần vốn góp của mình.

Điều 18. Cơ chế quản lý của Hội đồng quản trị đối với các chi nhánh, văn phòng đại diện trong và ngoài nước

1. Hội đồng quản trị không trực tiếp quản lý đối với các chi nhánh, văn phòng đại diện. Tổng Giám đốc quản lý đối với các bộ phận này và có trách nhiệm

Xuân

báo cáo với Hội đồng quản trị về tình hình, kết quả hoạt động cũng như các vấn đề nảy sinh bất ngờ thuộc thẩm quyền giải quyết của Hội đồng quản trị.

2. Nếu cần thiết, Hội đồng quản trị làm việc trực tiếp đối với các bộ phận này theo quy định tại Quy chế này.

CHƯƠNG V

MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.
2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ CC1 và Quy chế này.
3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 20. Mối quan hệ với Ban Tổng Giám đốc

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng Giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Điều 21. Mối quan hệ với Ban kiểm soát

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra của Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

CHƯƠNG VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này có hiệu lực từ ngày ban hành.
2. Quy chế này thay thế Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng Công ty Xây dựng số 1 – CTCP đã được ban hành theo Quyết định số 106/QĐ-HĐQT ngày 07/07/2021 của Hội đồng quản trị.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý có trách nhiệm triển khai thực hiện Quy chế.
4. Trong trường hợp có mâu thuẫn giữa Quy chế này với Điều lệ về cùng một vấn đề, thì các quy định của Điều lệ sẽ được ưu tiên áp dụng.

Điều 23. Bổ sung, sửa đổi

Trong quá trình thực hiện, mọi ý kiến đề nghị sửa đổi, bổ sung được phản ánh bằng văn bản cho Hội đồng quản trị để Hội đồng quản trị xem xét trình Đại hội đồng cổ đông thông qua. *huân*

huân
TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Nguyễn Văn Huân